

Bản án số: 73/2026/HS-ST
Ngày 26-6-2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thuần.

Bà Hoàng Thị Bích Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức H, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1991 tại tỉnh Bắc Ninh. Căn cước công dân số 027091011***, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 09-5-2021. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T (đã chết) và bà Trần Thị S; có vợ Nguyễn Thị H1 và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Lộc Bình - Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 02-01-2026 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1994 tỉnh Bắc Ninh. Căn cước công dân số 027094005***, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 09-5-2021. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số D, tổ dân phố V, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P; có vợ Nghi Thị Q1 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm

giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Lộc Bình - Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 02-01-2026 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nghi Thị Q1, sinh năm 1994; trú tại: Số D, tổ dân phố V, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020, Nguyễn Đức H làm nghề lái xe Taxi tại tỉnh Bắc Ninh và có đăng tải số điện thoại của mình lên các trang mạng xã hội để khách liên hệ. Đầu tháng 12 năm 2025, Nguyễn Đức H được tài khoản Zalo tên “OK luôn” gửi lời mời kết bạn và đặt vấn đề thuê Nguyễn Đức H đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép, chở từ Lạng Sơn về Hà Nội, khi nào có khách người này sẽ liên lạc, Nguyễn Đức H đồng ý. Nguyễn Đức H trao đổi lại việc này với Nguyễn Văn Q và hẹn khi nào khách gọi thì sẽ rủ Nguyễn Văn Q tham gia, Nguyễn Văn Q đồng ý.

Đến khoảng 16 giờ ngày 01-01-2026, người đàn ông này gọi qua ứng dụng T1 cho Nguyễn Văn Q bảo “em có đón người Trung Quốc trên Lạng Sơn không”, tiền công là 7.000.000 đồng, thời gian đón khoảng 01 giờ 30 phút sáng ngày 02-01-2026, tại Ga Đ Nguyễn Đức H đồng ý và gọi cho Nguyễn Văn Q đi chở, tiền công trả cho Nguyễn Văn Q là 4.000.000 đồng. Nguyễn Văn Q đồng ý và điều khiển xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS 99A-465.30 đi đón Nguyễn Đức H rồi cùng nhau lên Lạng Sơn. Khi đi đến đoạn gần cửa khẩu H4, Nguyễn Đức H được người sử dụng số điện thoại 0394.032.711 liên lạc chỉ dẫn đến điểm đón khách Trung Quốc ở gần cầu. Khi đến nơi, Nguyễn Đức H và Nguyễn Văn Q thấy 01 người đàn ông đội mũ lưỡi trai, đeo khẩu trang đứng cạnh đường ra hiệu cho 05 người Trung Quốc đang nấp ở bụi cây chạy tới chỗ xe đang đỗ, Nguyễn Đức H mở cửa cho 05 người này ngồi lên xe rồi bảo Nguyễn Văn Q lái xe về Hà Nội.

Hồi 03 giờ, ngày 02-01-2026 tại Km 45 Quốc lộ A thuộc địa phận xã N, tỉnh Lạng Sơn, Tổ công tác Công an tỉnh L kiểm tra xe ô tô hiệu M phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn Q là lái xe chở Nguyễn Đức H và 05 người Trung Quốc có tên là: Li Wei H2 (Lý Vĩ H3); Zhou Y (Chu Duệ Đ); Y (D); Z (T); Z (C). Cả 05 người này đều không có giấy tờ liên quan đến xuất, nhập cảnh vào Việt Nam theo quy định.

Vật chứng, đồ vật thu giữ trong vụ án: 01 xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander, màu xám bạc, BKS 99A-465.** và giấy tờ kèm theo (01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C đều mang tên Nguyễn Văn Q); 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen, cũ, đã qua sử dụng tạm giữ của Nguyễn Văn Q; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh và 01 điện thoại hiệu Honor, cũ, đã qua sử dụng tạm thu giữ của Nguyễn Đức H.

Cáo trạng số: 64/CT-VKSLS-P2 ngày 26 tháng 5 năm 20256, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan. Các bị cáo đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nghi Thị Q1 trình bày: Chị là vợ của bị cáo Nguyễn Văn Q, có đăng ký kết hôn hợp pháp từ năm 2017, chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander, biển kiểm soát 99A-465.** là xe của chồng chị sử dụng tiền cá nhân tích góp mua từ khoảng tháng 6 năm 2021 với giá 580.000.000 đồng. Chị không biết việc chồng mình sử dụng xe vào hành vi phạm tội và yêu cầu xử lý chiếc xe theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm buộc tội các bị cáo, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander, biển kiểm soát 99A-465.30 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99006580 mang tên Nguyễn Văn Q, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DB 0250571 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen của bị cáo Nguyễn Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đỏ của bị cáo Nguyễn Đức H. Tịch thu, tiêu hủy 01 sim Viettel số 0975754*** và 02 thẻ sim số 0812889***, 0985208*** của bị cáo Nguyễn Đức H; 02 sim Viettel số 0961826***, 0928383*** của bị cáo Nguyễn Văn Q. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen xám, không có sim điện thoại; 01 căn cước công dân số 027094005***; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy phép lái xe hạng C.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều mong muốn có cơ hội được sửa chữa lỗi lầm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, các lời khai tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 03 giờ sáng ngày 02 tháng 01 năm 2026, tại K Quốc lộ A thuộc địa phận xã N, tỉnh Lạng Sơn, Tổ công tác Công an tỉnh Lạng Sơn kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 99A-465.30 và phát hiện, bắt quả tang các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q có hành vi tổ chức cho 05 người Trung Quốc (gồm Lý Vĩ H3, Chu Duệ Đ, D, T, Chu V) nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, từ khu vực xã Đ, tỉnh Lạng Sơn đến Hà Nội vì mục đích vụ lợi, để lấy tiền công là 7.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả rất nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Nhà nước, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho 05 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để thu lợi là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi và thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Từ những nhận định tại đoạn [3], đoạn [4] của Bản án, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Về vai trò đồng phạm: Hành vi của các bị cáo đã thực hiện có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn nên phải xem xét đến vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi đó. Bị cáo Nguyễn Đức H là người trực tiếp nhận lời đề nghị từ đối tượng liên lạc qua mạng xã hội để vận chuyển người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nhằm mục đích vụ lợi; đồng thời là người rủ rê bị cáo Nguyễn Văn Q cùng tham gia, thống nhất việc thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp nhận thông tin về thời gian, địa điểm đón

khách, liên lạc với người tổ chức đưa đón và mở cửa xe cho 05 người Trung Quốc lên xe để vận chuyển về Hà Nội. Bị cáo Nguyễn Văn Q là người giúp sức tích cực, biết rõ mục đích vận chuyển người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nhưng vẫn đồng ý tham gia để hưởng tiền công 4.000.000 đồng; trực tiếp điều khiển xe ô tô chở bị cáo Nguyễn Đức H và 05 người Trung Quốc từ khu vực biên giới hướng về Hà Nội. Do đó, bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chính trong vụ án và mức hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Văn Q.

[6] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt. Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Đức H có ông nội (ông Nguyễn Đức T2) là thương binh loại A, có giấy chứng nhận thương binh năm 1989 và được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 1986, Huy chương chiến sĩ vẻ vang năm 1987; bị cáo Nguyễn Văn Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nuôi 03 con chưa thành niên ăn học, phụng dưỡng mẹ đẻ bà Trần Thị P bị bệnh hiểm nghèo (ung thư tuyến giáp) tại Bệnh viện TW Quân đội 108; quá trình sinh sống tại địa phương ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Bắc Ninh ngày 23-6-2026; tích cực tham gia hoạt động từ thiện, đã 04 lần hiến máu tình nguyện có 04 giấy chứng nhận hiến máu tình nguyện của Ban chỉ đạo Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện các năm 2019, 2021, 2022, nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Vì các bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander, biển kiểm soát 99A-465.30 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99006580 mang tên Nguyễn Văn Q, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DB 0250571, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Q. Bị cáo Nguyễn Văn Q đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện để chở người nhập cảnh trái phép do vậy cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

[9.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đỏ tạm giữ của bị cáo Nguyễn Đức H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q là các

công cụ các bị cáo sử dụng để trao đổi thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu các vật chứng trên, để nộp ngân sách nhà nước.

[9.3] Đối với sim V1 số 0975754*** (gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, mặt sau bị nứt vỡ) và 02 sim số 0812889***, 0985208*** (gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đỏ) của bị cáo Nguyễn Đức H; 02 sim Viettel số 0961826***, 0928383*** (gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen) của bị cáo Nguyễn Văn Q, do đều có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[9.4] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen xám, không có sim điện thoại; 01 căn cước công dân số 027094005***; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy phép lái xe hạng C là các tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Q, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

[9.5] Về số tiền 7.000.000 đồng tiền công đưa 05 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép các bị cáo chưa được nhận nên không xem xét xử lý.

[10] Về vấn đề liên quan:

[10.1] Đối với người đàn ông sử dụng tài khoản Zalo “OK luôn” đã liên lạc thuê Nguyễn Đức H lên Lạng Sơn đón 05 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, bị cáo Nguyễn Đức H khai không biết thông tin người này. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét xử lý.

[10.2] Đối với 05 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 02-01-2026 đồng thời ban giao cho Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế H4 - Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn để trao trả cho lực lượng chức năng Trung Quốc là phù hợp quy định pháp luật.

[10.3] Đối với người sử dụng số điện thoại 0394.032.711 đã liên lạc với bị cáo Nguyễn Đức H để đón khách Trung Quốc, bị can H không biết họ tên, địa chỉ, chưa gặp lần nào nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ. Xác minh thông tin số điện thoại trên mang tên Trần Kim K, sinh năm 1988, trú tại: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L đã ủy thác cho Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố C xác minh, kết quả: Trần Kim K không sử dụng số điện thoại trên, không liên quan đến hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh của Nguyễn Đức H và Nguyễn Văn Q.

[11] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án.

[12] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức H (Căn cước công dân số 027091011***, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 09-5-2021), Nguyễn Văn Q (Căn cước công dân số 027094005***, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 09-5-2021), phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02-01-2026.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02-01-2026.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn Q: 01 xe ô tô xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu sơn xám bạc, biển kiểm soát 99A-465.**, xe đã qua sử dụng (có biên bản kiểm tra xe kèm theo); 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99006580, chủ xe Nguyễn Văn Q, biển số đăng ký 99A-465.**, do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 09-7-2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DB 0250571 do Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 06-01-2024; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, máy đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864647056956553; IMEI 2: 864647056956546.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đức H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, mặt sau bị nứt vỡ, có số IMEI: 353826100169789, máy cũ đã sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đỏ, có số IMEI: 861138041518818, máy cũ đã sử dụng.

3.3. Tịch thu, tiêu hủy: Sim Viettel số 0975754*** (gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, mặt sau bị nứt vỡ) và 02 sim số 0812889***, 0985208*** (gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đỏ) của bị cáo Nguyễn Đức H; 02 sim Viettel số 0961826***, 0928383*** (gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen) của bị cáo Nguyễn Văn Q.

3.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q: 01 căn cước công dân số 027094005*** mang tên Nguyễn Văn Q do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ

Công an cấp ngày 09-5-2021; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 270167000407 mang tên Nguyễn Văn Q, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04-01-2017; 01 giấy phép lái xe hạng C số 270167000407 mang tên Nguyễn Văn Q, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 31-12-2020.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn và được mô tả chi tiết theo biên bản về việc giao nhận, vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn ngày 04-6-2026).

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. .

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam Lộc Bình;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền